

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**QUÝ III NĂM 2012**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	6 - 26

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>5,061,758,454,744</b>	<b>4,415,854,655,531</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>255,649,895,888</b>	<b>553,409,758,892</b>
1. Tiền	111		122,061,627,985	56,879,758,892
2. Các khoản tương đương tiền	112		133,588,267,903	496,530,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>1,052,769,193,964</b>	<b>1,049,415,393,804</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1,062,958,038,296	1,090,988,935,441
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(10,188,844,332)	(41,573,541,637)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3,488,131,621,349</b>	<b>2,670,852,899,677</b>
1. Phải thu khách hàng	131		169,680,868,828	461,714,572,009
2. Trả trước cho người bán	132	6	710,287,208,838	533,148,764,884
3. Các khoản phải thu khác	135	7	2,614,865,799,050	1,685,696,932,542
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6,702,255,367)	(9,707,369,758)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>29,199,133,869</b>	<b>56,539,913,177</b>
1. Hàng tồn kho	141		29,199,133,869	56,539,913,177
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>236,008,609,674</b>	<b>85,636,689,981</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26,892,376,786	3,961,433,304
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34,021,846,601	41,890,277,119
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		7,390,977,529	22,371,116,527
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		167,703,408,758	17,413,863,031
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260+269)	<b>200</b>		<b>5,523,567,343,275</b>	<b>4,374,642,805,482</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2,210,881,039,742</b>	<b>1,850,230,051,213</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	218	9	2,210,881,039,742	1,850,230,051,213
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>949,922,797,680</b>	<b>876,468,490,113</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	915,138,614,535	648,712,483,022
- Nguyên giá	222		1,024,246,255,586	757,750,270,117
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109,107,641,051)	(109,037,787,095)
2. Tài sản cố định vô hình	227		5,883,055,866	4,456,647,877
- Nguyên giá	228		9,516,347,645	7,196,464,455
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,633,291,779)	(2,739,816,578)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	28,901,127,279	223,299,359,214
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2,043,036,468,249</b>	<b>1,261,075,071,503</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	1,599,565,962,024	1,154,221,426,303
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	458,747,926,910	106,853,645,200
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>116,841,641,450</b>	<b>32,415,322,396</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	109,779,040,060	26,404,660,907
2. Tài sản dài hạn khác	268		6,584,180,920	6,010,661,489
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>15</b>	<b>202,885,396,154</b>	<b>354,453,870,257</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>10,585,325,798,019</b>	<b>8,790,497,461,013</b>

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>6,591,619,982,038</b>	<b>4,809,775,142,251</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,680,266,782,702</b>	<b>2,173,129,177,015</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	173,078,329,989	234,835,666,213
2. Phải trả người bán	312		101,857,835,808	120,088,639,151
3. Người mua trả tiền trước	313		284,063,486,591	5,024,503,791
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	29,601,329,406	14,380,002,706
5. Phải trả người lao động	315		8,279,713,466	5,172,084,259
6. Chi phí phải trả	316		481,361,745,634	155,128,271,010
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xd	318		185,402,050	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	18	1,598,005,592,525	1,635,403,583,294
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3,833,347,233	3,096,426,591
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3,911,353,199,336</b>	<b>2,636,645,965,236</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	542,684,353,053	479,556,310,437
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	3,355,017,364,231	2,144,448,907,435
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		12,988,077,128	11,997,592,275
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		663,404,924	643,155,089
<b>B. NGUỒN VỐN (400= 410)</b>	<b>400</b>		<b>3,340,122,461,343</b>	<b>3,377,223,336,702</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>3,340,122,461,343</b>	<b>3,377,223,336,702</b>
1. Vốn điều lệ	411		3,000,000,000,000	3,000,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1,286,825,482	1,286,825,482
4. Cổ phiếu quỹ	414		(10,000)	(10,000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		60,820,464,360	53,365,785,535
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		36,248,397,666	26,933,810,109
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		11,213,525,814	5,711,102,819
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		230,553,258,021	289,925,822,757
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>653,583,354,638</b>	<b>603,498,982,060</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>10,585,325,798,019</b>	<b>8,790,497,461,013</b>



Hoàng Thị Nhung  
Kế toán



Hoàng Văn Tuyên  
Kế toán trưởng



Lê Quang Thọ  
Tổng giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý III năm 2012

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm 2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm 2011
			Quý III năm 2012	Quý III năm 2011		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	631,270,497,672	339,792,608,120	1,143,579,183,880	905,824,537,356
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	296,150,759	817,793,157	464,839,143	893,445,449
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>630,974,346,913</b>	<b>338,974,814,963</b>	<b>1,143,114,344,737</b>	<b>904,931,091,907</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	442,075,688,662	238,204,842,617	834,301,781,673	719,566,045,570
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>188,898,658,251</b>	<b>100,769,972,346</b>	<b>308,812,563,064</b>	<b>185,365,046,337</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	70,011,290,682	88,110,478,776	391,464,956,911	266,347,062,093
7. Chi phí tài chính	22	25	130,368,302,787	51,626,746,798	334,814,419,343	109,840,385,744
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		129,307,875,885	51,524,662,374	335,641,193,234	118,007,907,685
8. Chi phí bán hàng	24		28,411,820,527	19,742,362,912	52,800,533,099	31,374,005,771
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		46,269,835,703	45,791,450,988	125,564,062,031	110,593,542,593
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>53,859,989,916</b>	<b>71,719,890,425</b>	<b>187,098,505,502</b>	<b>199,904,174,323</b>
11. Thu nhập khác	31		1,888,123,390	119,748,624	5,701,606,749	173,077,785
12. Chi phí khác	32		1,526,748,013	943,167,485	4,822,617,432	2,136,907,621
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>361,375,377</b>	<b>(823,418,861)</b>	<b>878,989,317</b>	<b>(1,963,829,836)</b>
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết	45		23,688,527,766	16,277,782,363	53,449,527,217	75,046,265,391
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>77,909,893,059</b>	<b>87,174,253,926</b>	<b>241,427,022,036</b>	<b>272,986,609,877</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		25,291,118,384	10,962,783,138	68,728,600,044	47,228,838,511
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-	953,972,388	6,055,029,781
<b>18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>52,618,774,675</b>	<b>76,211,470,788</b>	<b>171,744,449,604</b>	<b>219,702,741,585</b>
Trong đó:						
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		344,912,822	4,918,336,266	26,254,491,141	18,584,390,868
18.2. Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ	62		52,273,861,853	71,293,134,522	145,489,958,463	201,118,350,717
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>26</b>	<b>174</b>	<b>285</b>	<b>485</b>	<b>718</b>

Kế toán



Hoàng Thị Nhung

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuyên

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2012

Tổng giám đốc



Lê Quang Thọ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý III năm 2012

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2012	Năm 2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	241,427,022,036	272,986,609,877
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	48,598,165,269	20,464,867,283
Các khoản dự phòng	03	(3,005,114,391)	32,805,035,026
Lợi thế thương mại phân bổ		15,944,063,940	33,911,237,520
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(444,914,484,128)	(341,393,327,484)
Chi phí lãi vay	06	335,641,193,234	118,007,907,685
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	193,690,845,960	136,782,329,907
Biến động các khoản phải thu	09	(95,836,662,046)	100,640,657,432
Biến động hàng tồn kho	10	27,340,779,308	(94,459,240,217)
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	876,533,815,291	75,799,106,849
Biến động chi phí trả trước và chi phí khác	12	(84,426,319,054)	(154,355,757,236)
Tiền lãi vay đã trả	13	(188,381,195,915)	(118,007,907,685)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(32,726,964,884)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(435,861,222,696)	183,129,765,519
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(499,263,079,358)	(801,819,100,297)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(238,930,003,394)	(672,290,145,729)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(692,699,657,881)	(157,303,685,793)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(525,326,179,551)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị	24	318,512,430,354	496,584,715,637
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(534,646,934,317)	(742,470,275,700)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	267,425,000,000	107,400,000,000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	141,643,314,371	154,194,143,909
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1,025,092,027,024)	(141,595,101,947)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,292,134,856,796	1,475,578,985,546
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(175,904,089,882)	(399,160,078,872)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(149,968,599,500)	(249,950,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	966,262,167,414	826,468,906,674
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(297,759,863,004)	12,583,658,999
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	553,409,758,892	328,609,725,942
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	255,649,895,888	341,193,384,941



Hoàng Thị Nhung  
Kế toán



Hoàng Văn Tuyên  
Kế toán trưởng



Lê Quang Thọ  
Tổng giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103017634 ngày 31 tháng 5 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 11 số 0102278484 ngày 15 tháng 12 năm 2011 bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2012 là 1588 (tại ngày 31/12/2011: 1.314).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, cao ốc văn phòng, các công trình hạ tầng, công trình công nghiệp, công trình dân dụng;
- Giới thiệu xúc tiến thương mại;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh trung tâm thương mại;
- Cung cấp các dịch vụ viễn thông, truyền thông, phát thanh, truyền hình;
- Quảng cáo thương mại;
- Kinh doanh sản giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Bán lương thực, thực phẩm, đồ hộp, nước tinh khiết, nước giải khát, dầu ăn các loại;
- Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Thiết kế kiến trúc công trình.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị ghi sổ tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị ghi sổ của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị ghi sổ của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Trong năm 2009, Công ty thực hiện đầu tư và nắm cổ phần chi phối trong Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương từ ngày 01 tháng 01 năm 2009; Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng VNT và Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương từ ngày 31 tháng 12 năm 2009 và đã hợp nhất các báo cáo tài chính của các công ty con này trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trong năm 2009. Công ty sử dụng giá trị ghi sổ của tài sản, công nợ của các công ty con này tại ngày mua và so sánh với giá mua để xác định lợi thế thương mại thay vì sử dụng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.*

Công ty đã thực hiện việc đánh giá lại giá trị của các công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính 2009 bằng việc thuê chuyên gia định giá đánh giá lại các công ty con để xem xét giá trị hợp lý của các công ty con tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Do tính chất phức tạp của việc phân bổ phần phụ trội mua cổ phần công ty con nên Công ty không thể thực hiện phân bổ vào tài sản, công nợ, công nợ tiềm tàng và tính toán lại giá trị lợi thế thương mại. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc không phân bổ này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như cho kỳ hoạt động bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị ghi sổ của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11 - Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2012</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 45
Máy móc, thiết bị	3 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 08
Tài sản cố định khác	3 - 08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền thuê đất và giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí quảng cáo, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

*Doanh thu bán hàng*

Đối với Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu từ hợp đồng xây dựng*

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.**Doanh thu chuyển nhượng bất động sản*

Đối với các bất động sản (căn hộ) mà Công ty được chia sẻ lại từ chủ đầu tư thông qua các hợp đồng mua bán bất động sản, Công ty thực hiện bán cho các nhà đầu tư khác cũng bằng hình thức hợp đồng mua bán bất động sản, chia sẻ lại cho nhà đầu tư phần bất động sản (căn hộ) đã ký hợp đồng mua bán và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích phát sinh có liên quan cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, căn cứ theo giá trị hợp đồng và tiến độ thanh toán của các nhà đầu tư khác tương ứng với các giai đoạn thực hiện của dự án, Công ty ghi nhận doanh thu chuyển nhượng bất động sản. Đồng thời, giá vốn chuyển nhượng bất động sản cũng được xác định tương ứng căn cứ vào hợp đồng mà Công ty đã ký kết với chủ đầu tư.

Đối với các bất động sản (căn hộ) mà Công ty được chia sẻ lại từ chủ đầu tư thông qua các hợp đồng góp vốn đầu tư bất động sản và ủy quyền bán, Công ty thực hiện huy động vốn từ các nhà đầu tư khác cũng bằng hình thức hợp đồng góp vốn đầu tư bất động sản và chia sẻ lại cho nhà đầu tư phần bất động sản (căn hộ) đã góp vốn tham gia đầu tư. Tại ngày lập báo cáo này, các hợp đồng này vẫn đang được thực hiện và đã chuyển sang hình thức hợp đồng mua bán bất động sản. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích phát sinh có liên quan cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, căn cứ theo giá trị hợp đồng và tiến độ góp vốn của các nhà đầu tư khác tương ứng với các giai đoạn thực hiện của dự án, Công ty ghi nhận doanh thu chuyển nhượng bất động sản. Đồng thời, giá vốn chuyển nhượng bất động sản cũng được xác định tương ứng căn cứ vào hợp đồng mà Công ty đã ký kết với chủ đầu tư.

*Doanh thu lãi tiền gửi, lãi từ các khoản đầu tư*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	11,922,678,758	3,173,150,341
Tiền gửi ngân hàng	96,150,789,504	47,203,699,211
Tiền đang chuyển	93,807,290,919	6,502,909,340
Các khoản tương đương tiền (i)	53,769,136,707	496,530,000,000
	<b>255,649,895,888</b>	<b>553,409,758,892</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư khoản tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán	19,481,793,460	293,340,427,575
Đầu tư ngắn hạn khác	1,043,476,244,836	797,648,507,866
- Tiền gửi có kỳ hạn	13,100,000,000	-
- Ủy thác quản lý vốn	-	-
- Cho vay ngắn hạn	50,000,000,000	164,000,000,000
- Đầu tư ngắn hạn khác:	980,376,244,836	633,648,507,866
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông TVShopping</i>	<i>11,250,000,000</i>	<i>11,250,000,000</i>
<i>Công ty Cổ phần Fafilm thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>3,571,425,000</i>	<i>3,571,425,000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An</i>	<i>146,327,082,866</i>	<i>146,327,082,866</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương</i>	<i>210,000,000,000</i>	<i>392,500,000,000</i>
<i>Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral</i>	<i>226,099,990,000</i>	<i>-</i>
<i>Bà Hứa Thị Bích Hạnh</i>	<i>40,000,000,000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP Kỹ thuật XD và VLXD</i>	<i>2,621,800,000</i>	<i>-</i>
<i>Trái phiếu Công ty TNHH VNT</i>	<i>200,000,000,000</i>	<i>-</i>
<i>DA Công ty CP Thực phẩm Mika</i>	<i>50,000,000,000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên Việt</i>	<i>80,000,000,000</i>	<i>80,000,000,000</i>
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	<i>10,505,946,970</i>	<i>-</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(10,188,844,332)	(41,573,541,637)
	<b>1,052,769,193,964</b>	<b>1,049,415,393,804</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội	295,524,384,094	199,492,551,037
Công ty TNHH VNT	57,168,161,999	67,959,163,830
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	62,000,000,000	227,449,697,728
Công ty CP MTV du lịch và xúc tiến đầu tư	20,300,000,000	-
Công Ty TNHH TM Và Du Lịch Tràng Tiên Nha Trang	162,200,000,000	-
Tổng công ty CP Xuất Nhập Khẩu Và XD Việt Nam	56,766,400,000	-
Công ty CP ĐT & TM Phan Hoa	4,180,000,000	-
Các đối tượng khác	52,148,262,745	38,247,352,289
	<b>710,287,208,838</b>	<b>533,148,764,884</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/09/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn tài chính Liên Việt	441,390,133,474	367,136,894,634
Công ty TNHH DV đầu tư tài chính AT&M	217,355,555,552	
Công ty Cổ phần Bảo Linh	31,318,983,340	563,722,758,335
Công ty Cổ phần BSC Việt Nam	38,282,674,387	34,088,952,165
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	24,092,249,999	21,055,416,668
Ông Hồ Vinh Hoàng	35,150,555,554	109,425,000,000
Phải thu khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	18,733,990,524	15,103,717,500
Bà Bùi Thị Cẩm Vân	295,182,000,000	133,182,000,000
Ông Hồ Vinh Hoàng	156,800,000,000	21,800,000,000
Ông Hà Trọng Nam	92,902,777,777	26,305,555,555
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	257,131,200,000	227,631,200,000
Công ty TNHH VNT	50,068,069,445	
DN tư nhân Hà bảo	50,136,363,659	
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	18,863,750,000	11,863,750,000
Ngân hàng TMCP Đệ nhất	10,000,000,000	10,000,000,000
Cty TNHH XD SX TM Tài Nguyên	22,795,833,334	-
Công ty TNHH MTV Hà Thơ	39,000,000,000	-
Công ty CP Đầu tư hạ tầng Việt Nga	44,105,000,000	-
Công ty TNHH MTV Văn Việt Hà	124,300,000,000	-
Phải thu các đối tượng khác	517,000,000,000	-
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam	60,000,000,000	60,000,000,000
Ông Trịnh Bảo Trung	10,000,000,000	10,000,000,000
Bà Nguyễn Thị Xuyên	6,737,500,000	6,737,500,000
Ông Trịnh Tuấn Dương	0	7,515,000,000
Bà Vũ Thị Thu Hà	9,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội	0	8,890,500,000
Ngân hàng TMCP Đại Dương	0	2,069,505,557
Phải thu khác	37,191,288,198	49,169,182,128
	<b>2,614,865,799,050</b>	<b>1,685,696,932,542</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG**Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2012 đến 30/09/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14,617,336,049	8,804,542,682
Công cụ, dụng cụ	607,865,526	9,974,418,296
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4,521,574,323	35,924,395,540
Hàng hoá	9,452,357,971	1,836,556,659
	<b>29,199,133,869</b>	<b>56,539,913,177</b>

**9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

Phải thu dài hạn khác phản ánh các khoản tiền đã chi ra để Công ty thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản. Chi tiết như sau:

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam (Vinaconex)	555,083,333,338	573,093,675,966
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	93,703,082,800	0
Công ty TNHH VNT	256,870,000,000	0
Ông Hà Trọng Nam	500,000,000,000	500,000,000,000
Euro Metal Cans Holding Co PTE LTD	85,100,000,000	85,100,000,000
Công ty TNHH Togi Việt Nam	1,000,000,000	1,000,000,000
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	160,732,000,000	160,732,000,000
Công ty Cổ phần SSG Văn Thánh	148,226,211,840	148,226,211,840
Công ty TNHH Thương mại Du lịch và Đầu tư Phát triển - T&T Express	68,007,134,468	68,007,134,468
Công ty TNHH 5G Studio_Collaborative	1,160,336,842	1,160,336,842
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh	66,000,000,000	66,000,000,000
Công ty Cổ phần BSC Việt Nam	60,000,000,000	60,000,000,000.00
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	86,488,444,173	86,488,444,173
Công ty Cổ phần Licogi 19	57,000,000,000	57,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	22,500,000,000	22,500,000,000
Bộ tư lệnh Quân đội Bộ đội Biên phòng	20,000,000,000	20,000,000,000.00
Công ty CP địa ốc Coma	19,000,000,000	
Phải thu dài hạn khác	10,010,496,281	922,247,924.00
	<b>2,210,881,039,742</b>	<b>1,850,230,051,213</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2012	532,361,378,738	203,590,413,757	13,367,748,598	3,146,955,993	5,283,773,031	757,750,270,117
Mua trong kỳ	2,814,282,852	8,918,287,715	4,259,568,235	1,061,308,330	8,626,090,458	25,679,537,590
Tăng từ XD Cơ Bản	432,451,800,033	124,328,779,781	-	1,909,187,000	222,620,976	558,912,387,790
Tăng từ Hợp nhất K.D	13,660,153,749	(19,102,573,285)	(2,037,491,440)	(1,249,256,499)	-	(8,729,167,475)
Thanh lý, nhượng bán	(1,033,360,245)	(17,990,625,635)	-	-	-	(19,023,985,880)
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	(187,297,674,681)	(100,913,303,899)	-	(1,909,187,000)	(222,620,976)	(290,342,786,556)
<b>Tại ngày 30/09/2012</b>	<b>792,956,580,446</b>	<b>198,830,978,434</b>	<b>15,589,825,393</b>	<b>2,959,007,824</b>	<b>13,909,863,489</b>	<b>1,024,246,255,586</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2012	35,686,192,098	63,978,231,326	6,186,606,724	1,046,773,080	2,139,983,867	109,037,787,095
Khấu hao trong năm	20,505,663,891	23,632,952,439	1,342,125,597	580,717,052	1,643,231,089	47,704,690,068
Tăng từ Hợp nhất K.D	(152,774,495)	(15,960,372,934)	(1,327,911,700)	(73,109,351)	229,596,924	(17,284,571,556)
Thanh lý, nhượng bán	(6,098,728,380)	(23,927,587,347)	-	(154,019,271)	(169,929,558)	(30,350,264,556)
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2012</b>	<b>49,940,353,114</b>	<b>47,723,223,484</b>	<b>6,200,820,621</b>	<b>1,400,361,510</b>	<b>3,842,882,322</b>	<b>109,107,641,051</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/09/2012	743,016,227,332	151,107,754,950	9,389,004,772	1,558,646,314	10,066,981,167	915,138,614,535
Tại ngày 31/12/2011	496,675,186,640	139,612,182,431	7,181,141,874	2,100,182,913	3,143,789,164	648,712,483,022

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	223,047,435,304	559,520,215,687
Tăng trong năm	23,892,472,334	232,916,735,667
Kết chuyển sang tài sản cố định	(218,038,780,359)	(357,733,179,331)
Kết chuyển sang giá vốn công trình	-	-
Giảm khác (i)	-	(211,404,412,809)
<b>Tại ngày 30 tháng 09</b>	<b>28,901,127,279</b>	<b>223,299,359,214</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG**Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2012 đến 30/09/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

(\*) Giảm khác trong năm 2011 là khoản xây dựng cơ bản Khu Công nghiệp Minh Đức của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng VNT (công ty con trong năm 2010 của Công ty) đã chuyển nhượng cổ phần trong kỳ và không được hợp nhất vào báo cáo tài chính này.

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<u>30/9/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	1,104,388,130,759	1,094,518,544,832
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	61,957,901,065	59,702,881,471
Công ty TNHH XD SX TM Tài Nguyên	400,000,000,000	
Công ty TNHH MTV XNK và phát hành phim VN	33,219,930,200	
	<u><b>1,599,565,962,024</b></u>	<u><b>1,154,221,426,303</b></u>

**13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Giá	76,056,222,800	77,361,845,200
Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang	-	16,150,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	20,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	10,000,000,000	10,000,000,000
Ngân hàng Bảo Việt	159,500,000,000	
Thời báo Doanh Nhân	500,000,000	
Công ty CP Đầu tư và XD Sông Đà	149,349,904,110	
Dự án cum CN Bình Phú - Phùng Xá	40,000,000,000	
Công ty Cổ phần Truyền thông và Máy tính Việt Nam	3,341,800,000	3,341,800,000
	<u><b>458,747,926,910</b></u>	<u><b>106,853,645,200</b></u>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	26,404,660,907	14,068,949,171
Tăng trong năm	214,767,839,890	39,054,711,977
Phân bổ vào chi phí trong năm	(131,991,483,018)	(26,719,000,241)
<b>Tại ngày 30 tháng 09</b>	<u><b>109,779,040,060</b></u>	<u><b>26,404,660,907</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/9/2012 VND	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	354,453,870,257	389,045,720,590
Tăng trong năm	-	20,974,280,883
Phân bổ trong năm	(14,300,040,705)	(46,908,282,313)
Giảm khác	(137,268,433,398)	(8,657,848,903)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>202,885,396,154</b>	<b>354,453,870,257</b>

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/09/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>156,415,929,989</b>	<b>219,670,066,213</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	133,615,929,989	152,670,066,213
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh	22,800,000,000	
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	0	67,000,000,000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>16,662,400,000</b>	<b>15,165,600,000</b>
	<b>173,078,329,989</b>	<b>234,835,666,213</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/09/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	1,690,149,825	4,269,598,435
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25,932,359,105	8,593,074,029
Thuế thu nhập cá nhân	1,350,634,590	1,414,342,251
Các loại thuế khác	628,185,886	102,987,991
	<b>29,601,329,406</b>	<b>14,380,002,706</b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG**Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2012 đến 30/09/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	1,022,213,367,677
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	217,355,555,552	200,611,111,111
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	281,631,333,331	15,146,666,667
Ngân hàng Phát triển Nhà TP Hồ Chí Minh	207,405,555,556	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	57,362,500,004	50,131,944,445
Phải trả, phải nộp khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	9,534,378,972	15,158,276,737
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	13,363,841,435	11,297,463,524
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát VISSAI	177,670,732,500	140,662,500,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội	-	91,500,000,000
Công ty Cổ phần Sản xuất Nhật Minh	20,000,000,000	20,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	45,400,000,000	45,400,000,000
Cổ tức phải trả	81,400,500	50,000,000
Công ty CP TM Mica	517,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	13,138,822,267	6,633,600,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ HTC Việt Nam	10,000,000,000	10,000,000,000
Phải trả, phải nộp khác	28,061,472,408	6,598,653,132
	<b>1,598,005,592,525</b>	<b>1,635,403,583,294</b>

**19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	30/09/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	430,000,000,000	430,000,000,000
Nhận góp vốn, đặt cọc từ các tổ chức, cá nhân để thực hiện các dự án bất động sản	101,409,607,371	37,333,738,861
Phải trả dài hạn khác	11,274,745,682	12,222,571,576
	<b>542,684,353,053</b>	<b>479,556,310,437</b>

(\*) Phản ánh khoản tiền Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (công ty liên kết của Công ty) ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long (công ty con của Công ty) để mua một phần dự án "Đầu tư xây dựng khai thác Khu tổ hợp thương mại tại Khu đô thị Nam Trần Duy Hưng".

**20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG**Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2012 đến 30/09/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	<b>30/09/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam (a)	500,000,000,000	500,000,000,000
Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam	500,000,000,000	500,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh	200,000,000,000	200,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (c)	500,000,000,000	500,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (d)	455,017,364,231	424,206,907,435
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang (e)	-	35,407,600,000
Cty CP ĐT TC Công đoàn dầu khí VN	1,200,000,000,000	
	<b><u>3,355,017,364,231</u></b>	<b><u>2,159,614,507,435</u></b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	-	(15,165,600,000)
<b>Số phải trả sau ngày 30/09/2012</b>	<b><u>3,355,017,364,231</u></b>	<b><u>2,144,448,907,435</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG**

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2012 đến 30/09/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tại chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND		VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2011	2,500,000,000,000	425,600,000,000	-	1,286,825,482	-	1,997,528,232	1,231,292,038	428,941,827	325,959,814,592	3,256,504,402,171					
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	170,185,579,208	170,185,579,208					170,185,579,208
Phát hành cổ phiếu thưởng	500,000,000,000	(425,600,000,000)	(10,000)	-	-	-	-	-	(74,400,000,000)	(10,000)					(10,000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	50,338,118,131	25,169,059,065	2,000,000,000	(78,526,935,369)	(1,019,758,173)					(1,019,758,173)
Phân phối quỹ của các công ty con	-	-	-	-	-	1,030,139,172	533,459,006	3,282,160,992	(53,040,774,536)	(48,195,015,366)					(48,195,015,366)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(251,861,138)	(251,861,138)					(251,861,138)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2011</b>	<b>3,000,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>(10,000)</b>	<b>1,286,825,482</b>	<b>53,365,785,535</b>	<b>26,933,810,109</b>	<b>5,711,102,819</b>	<b>289,925,822,757</b>	<b>3,377,223,336,702</b>	<b>145,489,958,463</b>					<b>3,377,223,336,702</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(150,000,000,000)	(150,000,000,000)					(150,000,000,000)
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	-	-	-	(24,730,996,630)	(2,170,000,000)					(2,170,000,000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	8,780,498,315	8,780,498,315	5,000,000,000	(1,609,649,053)	(573,136,816)					(573,136,816)
Phân phối quỹ của các công ty con	-	-	-	-	-	534,089,242	-	502,422,995	(28,521,877,516)	(29,847,697,006)					(29,847,697,006)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1,325,819,490)	-	-							
<b>Số dư tại ngày 30/09/2012</b>	<b>3,000,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>(10,000)</b>	<b>1,286,825,482</b>	<b>60,820,464,360</b>	<b>36,248,397,666</b>	<b>11,213,525,814</b>	<b>230,553,258,021</b>	<b>3,340,122,461,343</b>	<b>145,489,958,463</b>					<b>3,340,122,461,343</b>

784  
3 T  
PHÃ  
DƯ  
DƯC

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****b. Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102278484 thay đổi lần 11 ngày 15 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty có vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

**c. Các Quỹ**

Theo Nghị quyết số 06/2011/NQ-DHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty, Công ty đã trích lập các Quỹ Dự trữ bổ sung Vốn điều lệ, Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Dự phòng tài chính, Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính của Công ty.

**d. Cổ tức**

Theo Nghị quyết số 01/2012/NQ-DHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2012 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2011, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2011 là 5% trên vốn điều lệ. Đến ngày 30 tháng 09 năm 2012, Công ty đã trích số cổ tức này từ lợi nhuận sau thuế với số tiền là 150.000.000.000 đồng và đã thanh toán cho các cổ đông, phần còn lại chưa trả được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác".

**e. Cổ phiếu**

	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	300,000,000	300,000,000
Số lượng cổ phiếu quỹ	1	1
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	299,999,999	299,999,999

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.*

**22. DOANH THU**

	Quý 3 - 2012 VND	Quý 3 - 2011 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>631,270,497,672</b>	<b>339,792,608,120</b>
Doanh thu bán hàng	189,760,750,284	222,037,542,330
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4,697,215,482	32,683,460,745
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	286,801,368,212	32,669,554,457
Doanh thu chuyển nhượng quyền kinh doanh bất động sản	4,776,560,205	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	48,656,986,194	-
Doanh thu kinh doanh khách sạn	62,590,530,713	13,906,531,941
Doanh thu hoạt động chứng khoán	33,987,086,582	38,495,518,647
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>296,150,759</b>	<b>817,793,157</b>
Hàng bán bị trả lại	296,150,759	817,793,157
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>630,974,346,913</b>	<b>338,974,814,963</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Quý 3 - 2012 VND	Quý 3 - 2011 VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	127,918,057,174	161,225,520,581
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3,994,939,560	25,910,965,675
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng bất động sản	202,664,626,307	17,263,168,381
Giá vốn chuyển nhượng quyền kinh doanh bất động sản	2,729,357,024	-
Giá vốn hoạt động xây dựng	44,658,452,043	-
Giá vốn kinh doanh khách sạn	36,457,138,786	1,904,370,177
Giá vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán	23,653,117,768	31,900,817,803
	<b>442,075,688,662</b>	<b>238,204,842,617</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý 3 - 2012 VND	Quý 3 - 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ủy thác đầu tư	3,539,156,157	41,785,100,876
Lãi đầu tư cổ phiếu, cổ phần	10,985,202,849	1,124,869,900
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26,038,495,778	45,200,508,000
Doanh thu tài chính khác	29,448,435,898	-
	<b>70,011,290,682</b>	<b>88,110,478,776</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG**Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2012 đến 30/09/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.*

	Quý 3 - 2012 VND	Quý 3 - 2011 VND
Chi phí lãi vay	129,307,875,885	51,524,662,374
Chi phí tài chính khác	1,060,426,902	102,084,424
	<b>130,368,302,787</b>	<b>51,626,746,798</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Quý III Năm 2012 VND	Quý III Năm 2011 VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	52,273,861,853	71,293,134,522
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	299,999,999	250,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>174</b>	<b>285</b>

**27. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Công ty cam kết sẽ góp vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định để Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định thực hiện dự án “Trung tâm thiết kế thời trang và cao ốc văn phòng cho thuê” tại số 106, đường 3 tháng 2, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Giày da May mặc Xuất khẩu và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương. Tổng số vốn góp là 600 tỷ đồng, tương đương 75% vốn góp vào Dự án. Đến ngày 30 tháng 09 năm 2012, Công ty đã góp được 22.500.000.000 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 22.500.000.000 đồng).

Theo thỏa thuận đặt cọc mua khu thương mại thuộc dự án SSG Tower của Công ty Cổ phần SSG Văn Thánh tại thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị hợp đồng là 799.453.347.840 đồng. Đến ngày 30 tháng 09 năm 2012, Công ty đã thanh toán được 148.226.211.840 đồng - tương đương 7.684.096 USD, (31 tháng 12 năm 2011: 148.226.211.840 đồng - tương đương 7.684.096 USD).

Công ty cam kết góp vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Tòa nhà hỗn hợp Chung cư, Dịch vụ và Bãi gửi xe - Star City Lê Văn Lương” tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Tổng giá trị góp vốn là 803.719.287.000 đồng. Số tiền đã góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2012 là 376.487.752.000 đồng (31 tháng 12 năm 2010: 321.487.752.000 đồng).

Cam kết góp vốn cho Công ty TNHH VNT (bên liên quan của Công ty) để thực hiện dự án “Công trình hỗn hợp Nhà ở, Rạp chiếu phim, Văn phòng và Chung cư” tại 19 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Tổng giá trị góp vốn là 356.692.500.000 đồng. Số tiền đã góp đến ngày 30 tháng 9 năm 2012 là 321.023.250.000 đồng (31 tháng 12 năm 2010: 161.172.360.000 đồng).

Công ty cam kết sẽ hợp tác đầu tư cùng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam và các bên có liên quan thành lập một công ty cổ phần để thực hiện dự án “Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2” tại thành phố Hồ Chí Minh, sau khi Vinaconex được UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Dự án này. Phần vốn dự kiến của Công ty trong công ty mới thành lập này là 20%. Số tiền đã chuyển cho Vinaconex đến ngày 30 tháng 9 năm 2012 là 3.093.675.966 đồng để thanh toán các chi phí liên quan đến dự án.

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

022  
ÔNG  
CỔ P  
TẬP  
ĐẠI  
ĐÌNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG**Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2012 đến 30/09/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Từ ngày 01/07/2012</b>
	<b>đến ngày 30/09/2012</b>
	<b>VND</b>
<b>Doanh thu hợp đồng xây dựng</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	48,677,712,727
<b>Doanh thu bán hàng, dịch vụ, lãi tiền gửi</b>	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	4,008,261,257
<b>Doanh thu từ hoạt động chứng khoán, nhận đặt cọc</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn tài chính Liên Việt	17,821,243,325
Công ty Cổ phần Bảo Linh	1,208,368,135
Công ty TNHH VNT	11,132,225,111
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	1,426,129,622
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	1,052,194,296
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	70,691,781
Doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo	204,080,211
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh	16,016,280
Bà Bùi Thị Cẩm Vân	10,901,430
<b>Chi phí phải trả từ các khoản nhận đặt cọc, ứng trước</b>	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	11,397,472,221
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ, chi phí</b>	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	2,294,254,690
Công ty TNHH VNT	17,839,214,066
<b>Lãi từ các tiền ứng trước</b>	
Ông Hà Trọng Nam	22,361,111,111
Thu nhập Ban Giám đốc	
	<b>Từ ngày 01/07/2012</b>
	<b>đến ngày 30/09/2012</b>
	<b>VND</b>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	915,466,700

Số dư chủ yếu với bên liên quan:

3-184  
TY  
HÀN  
ĐOÀN  
DƯƠNG  
TP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	30/9/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Số dư tiền gửi</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	103,191,502,485	510,605,508,319
<b>Các khoản đầu tư ngắn hạn/dài hạn khác</b>		
Công ty TNHH VNT	200,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	141,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Fafilm Việt Nam	33,219,930,200	-
Bà Bùi Thị Cẩm Vân	4,870,000,000	12,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	43,335,369,863	392,500,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	-	102,000,000,000
Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang	-	16,150,000,000
<b>Phải thu/Trả trước cho người bán</b>		
Ông Hà Trọng Nam	604,122,777,777	526,305,555,555
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên	441,397,862,991	369,263,754,430
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	344,278,501,232	679,193,656,876
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	93,725,315,078	8,890,500,000
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	246,835,172,000	246,832,000,000
Công ty TNHH VNT	181,909,079,445	4,102,974,056
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tráng Tiễn Nha Trang	162,206,000,000	-
Bà Bùi Thị Cẩm Vân	134,422,330,938	165,153,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	86,645,992,724	2,174,058,869
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh	86,514,516,279	91,646,650,115
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	64,089,708,334	146,790,000,000
Ông Hà Văn Thắm	11,074,865,682	11,133,198,175
Công ty Cổ phần Bảo Linh	31,323,608,818	563,726,818,477
Doanh nghiệp tư nhân Hà Báo	135,314,053	106,128,920,063
Bà Hoàng Thị Nga	42,289,708,334	-
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	35,150,555,554	0
Bà Nguyễn Thị Dung	4,790,800,000	411,800,000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	-	11,863,750,000
Công ty Cổ phần Tráng Tiễn	-	1,038,631,579
<b>Phải trả/nhận ứng trước</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	716,470,523,561	448,888,016,490
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	50,800,000,000	-
Bà Hà Thị Phương	18,500,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	-	91,500,000,000
Công ty TNHH VNT	1,627,145,932	0
<b>Các khoản vay</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	574,975,090,444	504,685,647,435
<b>Chuyển tiền theo hợp đồng góp vốn đầu tư bất động sản và ủy quyền bán và hợp đồng mua các sản phẩm thương mại</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	609,928,465,563	361,487,752,000
Công ty TNHH VNT	152,229,977,523	321,023,250,000



Hoàng Thị Nhung  
Kế toán



Hoàng Văn Tuyên  
Kế toán trưởng



Lê Quang Thu  
Tổng giám đốc